

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2024/DS-ST
Ngày: 20-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phú Hải;
- Bà Nguyễn Thị Thân.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLST-DS, ngày 29 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1;

Địa chỉ trụ sở: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại theo theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch D: ông Hà Văn S – chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh T kiêm Trưởng Phòng G (Quyết định ủy quyền số: 3225/2023/QĐ-PC ngày 15-12-2023);

Người đại theo theo ủy quyền lại của ông Hà Văn S: chị Trần Phương A, sinh năm 1999; cư trú tại: 1 Khu phố C, Phường A, thành phố T, tỉnh T; chức vụ: chuyên viên tư vấn (Văn bản ủy quyền số: 49/2024/GUQ-PGDTB ngày 01-4-2024); vắng mặt.

- **Bị đơn:** chị Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1979; cư trú tại: tổ C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Phương A trình bày:

Ngày 20-4-2023 chị Nguyễn Thị Thanh X ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh T - P (gọi tắt là Ngân hàng), bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và điều kiện, điều khoản phát hành, sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng (các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập chị X từ công việc buôn bán mỹ phẩm tại nhà, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho chị X với mục đích tiêu dùng cá nhân, chi tiết thẻ như sau:

- Loại thẻ: VS payWavw Cre Classic
- Số thẻ: 472074-7178;
- Số tài khoản: 3096598432;
- Hạn mức sử dụng: 50.000.000 đồng;
- Ngày đến hạn thanh toán: ngày 05 hàng tháng;
- Lãi suất lúc phát hành thẻ: 2,77%/tháng (lãi suất thay đổi theo từng kỳ và được Ngân hàng niêm yết tại www.S2.com.vn)
- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, chị X đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 89.333.600 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 10-01-2024, chị X đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 49.593.201 đồng (căn cứ theo Điều 5 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Từ kỳ thanh toán ngày 10-12-2023 đến nay chị X không thanh toán tiền cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngày 10-01-2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 5 Hợp đồng). Mặc dù Ngân hàng nhiều lần thông báo cho chị X biết khoản nợ quá hạn bằng nhiều phương thức khác nhau như: gọi điện thoại, trực tiếp đến nhà chị X và thông báo qua ứng dụng “S2 pay”, tuy nhiên đến nay chị X vẫn không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng TMCP S1 yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh X phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày 20-9-2024 là 73.458.075 đồng (gồm: tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn, quá hạn và phí 23.458.075 đồng), yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất đã ký kết trong hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng (nguyên đơn) trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ và thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt đương sự là phù hợp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Thẩm phán công khai khi giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị X có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh T - P và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ theo hợp đồng, nên Ngân hàng yêu cầu chị X phải trả số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận hợp đồng, tiền phí theo quy định là có căn cứ chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 đối với chị Nguyễn Thị Thanh X về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc chị Nguyễn Thị Thanh X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền nợ tính đến ngày 20-9-2024 là 73.458.075 đồng, bao gồm tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí 23.458.075 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất đã ký kết trong hợp đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: chị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Trần Phương A là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; chị X là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Phương A và chị X.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1, thấy rằng: Ngân hàng TMCP S1 cung cấp chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cho khách hàng Nguyễn Thị Thanh X ngày 20-4-2023; tóm tắt sao kê thẻ tín dụng ngày 13-3-2024 (bản chính); Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ cá nhân; chị X không cung cấp chứng cứ. Các chứng cứ nêu trên đã được Tòa án mở phiên họp công khai và thông báo cho các đương sự trong vụ án biết nhưng không có đương sự nào có ý kiến phản đối. Căn cứ các Điều 91, 92, 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là nguồn chứng cứ dùng để giải quyết vụ án.

[2.2] Tại giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 20-4-2023 của chị X, được Ngân hàng TMCP S1 đồng ý cấp hạn mức tín dụng dưới dạng thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân, hai bên thỏa thuận cụ thể: loại thẻ: VS payWavw Cre Classic; số thẻ: 472074-7178; số tài khoản: 3096598432; hạn mức sử dụng: 50.000.000 đồng; ngày đến hạn thanh toán: ngày 10 hàng tháng; lãi suất tại thời điểm làm thẻ: 2,77%/tháng và lãi suất quá hạn. Khi ký kết hợp đồng, hai bên hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng cũng như điều kiện chung trong giao kết hợp đồng cấp thẻ của Ngân hàng, căn cứ các Điều 398, 401, 406 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận giao kết hợp đồng cấp và sử dụng thẻ giữa Ngân hàng TMCP S1 với chị X là hợp pháp.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ nhưng chị X vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng. Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ thể hiện, sau khi được cấp thẻ tín dụng, chị X đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 89.333.600 đồng. Từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 10-01-2024, chị X đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 49.593.201 đồng, từ kỳ thanh toán ngày 10-12-2023 đến nay chị X không thanh toán tiền cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 10-01-2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 5 Hợp đồng). Mặc dù Ngân hàng nhiều lần thông báo cho chị X biết khoản nợ quá hạn bằng nhiều phương thức khác nhau nhưng đến nay chị X vẫn không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng.

[2.4] Do đó, có đủ cơ sở khẳng định chị X đã vi phạm các điều, khoản về nghĩa vụ thanh toán đã ký kết với Ngân hàng và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị X thanh toán tiền dư nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn, tiền phí tính đến ngày 20-9-2024 là 23.458.075 đồng; tổng cộng số tiền 73.458.075 đồng theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký kết ngày 20-4-2023 là có căn cứ, phù hợp với các Điều 282, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[3] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 với chị X về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc chị Nguyễn Thị Thanh X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S1 tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền

lãi trong hạn, quá hạn, lãi phạt vi phạm, tiền phí tính đến ngày 20-9-2024 là 23.458.075 đồng. Tổng cộng số tiền 73.458.075 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền mà yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 được chấp nhận, theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, cụ thể: $73.458.075 \text{ đồng} \times 05\% = 3.672.903 \text{ đồng}$ (làm tròn 3.673.000 đồng);

[4.2] Ngân hàng TMCP S1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 282, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S1 đối với chị Nguyễn Thị Thanh X về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S1 tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phí tính đến ngày 20-9-2024 là 23.458.075 đồng; tổng cộng số tiền là 73.458.075 (bảy mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi tám nghìn, không trăm bảy mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (21-9-2024), chị Nguyễn Thị Thanh X còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng (chị X) vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thanh X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.673.000 (ba triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn) đồng.

Ngân hàng TMCP S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S1 1.474.000 (một triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0004886 ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP S1, chi X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy

